

Bản án số: 220/2022/HC-PT

Ngày 29/3/2022

V/v “Khiếu kiện hành vi hành chính
và yêu cầu bồi thường thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22/3/2022 và ngày 29/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 315/2021/TLPT-HC ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M;

Địa chỉ: Khu phố 7, phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông NLQ1, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương;

Địa chỉ: phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hồng H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã X, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông NLQ1 (có mặt);

Địa chỉ nơi làm việc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M – Khu phố 7, phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương.

3.2. **Công an thị xã X, tỉnh Bình Dương** (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương.

3.3. **Ông NLQ2**, sinh năm 1968 (vắng mặt);

3.4. **Bà NLQ3**, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ: phường P2, quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M là người khởi kiện.

5. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2016, các bản ý kiến đề ngày 11/10/2017, 05/4/2018 và Bản ý kiến về giá trị yêu cầu bồi thường ngày 21/9/2020 của Công ty TNHH MTV M (sau đây gọi là Công ty M) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người khởi kiện là ông NLQ1 trình bày:

Công ty M là chủ sở hữu xe máy đào (còn gọi là xe cần cẩu) bánh xích nhãn hiệu Solar 280LC-III, màu cam, do Hàn Quốc sản xuất, số động cơ D236640042, số khung SL280LC-III-0014, công suất động cơ 145KW. Ngày 03/01/2013, xe của Công ty đang đỗ cách xa thửa đất của ông NLQ2 15 m, thì bị đoàn kiểm tra liên ngành của huyện (nay là thị xã) X thu giữ, thời điểm đó có người của Công ty trông giữ xe là ông Trần Tấn N. Theo Công ty M, việc thu giữ xe của Công ty là trái quy định của pháp luật vì: Ủy ban nhân dân (sau đây gọi là UBND) thị xã X thu giữ xe không có căn cứ pháp luật, không xác định được ai là người vi phạm, việc thu giữ xe thực hiện từ ngày 03/01/2013, UBND thị xã X cho rằng hành vi của Công ty vi phạm Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản là trái pháp luật vì thời điểm xe bị thu giữ Nghị định số 142 chưa được ban hành; thời điểm bị thu giữ, xe của Công ty cũng không tham gia giao thông đường bộ vì vậy không thuộc đối tượng bị kiểm tra trong lĩnh vực giao thông đường bộ; việc thu giữ xe của UBND thị xã X cũng vi phạm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn xử phạt vi phạm hành chính; UBND thị xã X không làm việc đối với Công ty M. Việc thu giữ xe đã làm hư hỏng xe vì không được bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng dẫn đến xe hư hỏng không sử dụng được, gây thiệt hại về thu nhập thực tế cho Công ty tới thiểu 30.000.000 đồng/tháng. Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2016, Công ty khởi kiện yêu cầu: Tuyên bố hành vi thu giữ xe máy đào bánh xích ngày 03/01/2013 của UBND thị xã X là trái pháp luật, buộc UBND thị xã X sửa chữa, khôi phục lại tình trạng xe máy đào như trước thời điểm bị thu giữ (ngày 03/01/2013) và trả lại xe máy đào cho Công ty, buộc UBND thị xã X phải bồi thường thu nhập của Công ty bị mất với mức 30.000.000 đồng/tháng, thời gian tính bồi thường

tính từ ngày 03/01/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm, thành tiền 1.950.000.000 đồng. Quá trình xét xử lại vụ án tại Bản ý kiến về giá trị yêu cầu bồi thường ngày 21/9/2020, Công ty M xác định lại yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hành vi giữ xe máy đào của UBND thị xã X là trái pháp luật, buộc UBND thị xã X phải trả lại xe máy đào cho công ty đồng thời bồi thường thiệt hại để phục hồi xe về trạng thái hoạt động bình thường theo Chứng thư thẩm định giá số 20/2020/BDV-CT ngày 06/8/2020 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Bình Dương thực hiện là 452.422.000đồng, buộc UBND thị xã X phải bồi thường thu nhập của Công ty bị mất với mức 30.000.000 đồng/tháng, thời gian tính bồi thường tính từ ngày 03/01/2013 đến ngày 24/9/2020 là 2.780.000.000 đồng.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến số 65/UBND-NC ngày 11/01/2017, quá trình giải quyết vụ án người bị kiện UBND thị xã X trình bày:

Ngày 03/01/2013, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại khu đất thuộc tổ 3 khu phố 5, phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương đang có hành vi khai thác khoáng sản trái phép. Công an huyện X đã thành lập đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra việc khai thác nêu trên tại thửa đất của ông NLQ2. Tại thời điểm kiểm tra đoàn kiểm tra phát hiện 01 chiếc xe máy đào bánh xích hiệu Daewoo Solar 280 đỗ cách vị trí khai thác 15m, người khai thác khoáng sản đã bỏ trốn. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra nơi khai thác, vẽ sơ đồ hiện trạng, xác định dấu vết bánh xích của xe máy đào hiệu Daewoo Solar 280 chạy liên tục từ hướng khu hầm đất đang khai thác đến vị trí xe đang đỗ. Sau đó, đoàn kiểm tra lập biên bản kiểm tra vi phạm hành chính vắng chủ việc khai thác khoáng sản nêu trên, biên bản tạm giữ xe máy đào. Qua thu thập tài liệu chứng cứ và lời khai của các bên liên quan, UBND huyện X (nay là thị xã X) xác định ông NLQ1 là người có hành vi vi phạm khai thác khoáng sản (đất sét gạch) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản trong 31 ngày (tức là cả tháng 12/2012) với khối lượng 3.780m³ tương đương 121,9m³/ngày. Qua định giá, giá trị tài sản bị thiệt hại là 189.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của ông NLQ1 đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 37 Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản với mức phạt tiền 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Ngày 14/10/2015, Công an thị xã X lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông NLQ1 về hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản. Công an thị xã X có Tờ trình số 256/TTr-CATU ngày 14/10/2015 tham mưu UBND thị xã X ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông NLQ1 về hành vi vi phạm hành chính: Khai thác khoáng sản (đất sét gạch) làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 37 Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ với mức phạt chính là phạt tiền 60.000.000 đồng; phạt bổ sung tịch thu tang vật là khoáng sản tương đương 189.000.000 đồng; tịch thu phương tiện vi phạm

là xe máy đào Deawoo Solar 280 và buộc khắc phục hậu quả: Buộc ông NLQ1 thực hiện các giải pháp phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn. Ngày 15/10/2015, Công an thị xã X chuyển hồ sơ đến UBND thị xã X để xử lý theo thẩm quyền.

Do vụ việc có tính tiết phức tạp và tài sản tịch thu có giá trị lớn thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, quá trình thẩm tra xác minh kéo dài đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, ngày 15/7/2016 và ngày 25/7/2016 UBND thị xã X có Báo cáo số 156/BC-UBND và Văn bản số 2635/UBND-NC xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương đối với việc giải quyết vụ việc. Ngày 29/6/2016, UBND tỉnh Bình Dương có Văn bản số 2995/UBND-KTN giao Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, hướng dẫn UBND thị xã X xử lý vụ việc. Ngày 30/9/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường có Báo cáo số 3935/BC-STNMT về việc đề xuất hướng giải quyết kiến nghị của UBND thị xã X tại Báo cáo số 156/BC-UBND ngày 15/7/2016 theo đó kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND thị xã X như sau: Đối với việc xử lý ông NLQ1: Không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã hết theo khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nhưng vẫn ban hành quyết định khắc phục hậu quả theo khoản 2 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012. UBND thị xã X có trách nhiệm trình UBND tỉnh ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo đúng trình tự. Ngày 26/12/2016, UBND thị xã X nhận được Thông báo thụ lý vụ án hành chính của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đối với vụ án nêu trên do ông NLQ1 khởi kiện nên UBND thị xã X chưa xử lý đối với vụ việc của Công ty M, đợi kết quả xem xét, giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. UBND thị xã X đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết vụ án theo qui định pháp luật.

* Tại Văn bản số 03/CATU ngày 04/01/2017 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công an thị xã X trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày của UBND thị xã X về quá trình thu giữ xe máy đào hiệu Deawoo Solar 280, lập biên bản kiểm tra vi phạm hành chính vắng chủ việc khai thác khoáng sản. Ngày 14/10/2015 Công an thị xã X phối hợp cùng đoàn kiểm tra liên ngành gồm UBND phường P1, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã X, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã X tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản đối với ông NLQ1. Cùng ngày, Công an thị xã X có Tờ trình số 256/TTr-CATU gửi UBND thị xã X tham mưu ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông NLQ1. Ngày 15/10/2015, Công an thị xã X đã bàn giao hồ sơ cho UBND thị xã X giải quyết.

Trong quá trình điều tra, Công an thị xã X có thông báo truy tìm chủ phương tiện khai thác khoáng sản trái phép là chiếc xe hiệu Deawoo Solar 280 trên các phương tiện thông tin đại chúng và ngày 14/01/2013, ông NLQ1 đến nhận xe nhưng không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc sở hữu, giấy tờ do cơ quan hải quan cấp cũng như hóa đơn chứng từ và giấy tờ nộp thuế

để chứng minh nguồn gốc hợp pháp của chiếc xe máy đào bánh xích này nên Công an thị xã X không giao trả xe. Khi cơ quan công an yêu cầu làm việc để làm rõ sự việc khai thác khoáng sản trái phép có liên quan đến chiếc xe máy đào màu cam hiệu Deawoo Solar 280 xảy ra ngày 03/01/2013 thì đương sự Minh tự ý bỏ về không hợp tác làm việc.

Trong quá trình Tòa án nhân dân thị xã X giải quyết vụ án dân sự, ông NLQ1 xuất trình giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đứng tên chủ sở hữu là Công ty M đăng ký số 01981/XMCD, biển số đăng ký 61XA-0732 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp ngày 03/6/2016. Qua kiểm tra xác minh Công an thị xã X xác định quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký xe nêu trên sai quy định pháp luật nên đã đề nghị Sở Giao thông vận tải thu hồi. Ngày 23/8/2016, Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương có Quyết định số 387/QĐ-SGTVT quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe cấp ngày 03/6/2016 cho Công ty M. Ngoài ra, Công an thị xã X cũng xác minh tại Chi cục Thuế thị xã X vào ngày 02/8/2016 thì được biết từ trước cho đến nay, cá nhân ông NLQ1 và Công ty M hoàn toàn không đến Chi cục Thuế thị xã X để làm thủ tục và nộp thuế trước bạ sang tên chủ sở hữu xe máy đào nêu trên và hoàn toàn không nộp bất cứ các khoản thuế nào khác có liên quan đến xe máy đào hiệu Deawoo Solar 280 nêu trên.

Công an thị xã X không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NLQ2, bà NLQ3 đã được Tòa án tổng đạt thông thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến, không có văn bản trình bày ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo biên bản ghi lời khai ngày 30/01/2013, giấy báo tình trạng trộm đất đề ngày 30/01/2013 xác định vợ chồng ông NLQ2, bà NLQ3 là chủ sử dụng phần đất diện tích 26.935m² thửa số 197, tờ bản đồ số 44 tọa lạc tại thị trấn P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02205 do UBND huyện X cấp ngày 05/02/2007. Việc khai thác khoáng sản ngày 03/01/2013 tại thửa đất số 197 của ông NLQ2, bà NLQ3 thì ông NLQ2 không biết, ông NLQ2 đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:

Căn cứ: Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm c khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 27, Điều 34 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M. Tuyên bố hành vi hành chính của người bị kiện UBND thị xã X giữ xe máy đào bánh xích màu cam hiệu Deawoo Solar 280 ngày 03/01/2013 mà không ra quyết định xử lý trong thời hạn quy định là trái pháp luật. Buộc UBND thị xã X thực hiện việc xử lý đối với xe máy đào bánh xích hiệu Deawoo Solar 280 theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận các phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đối với người bị kiện UBND thị xã X về việc hoàn trả xe máy đào bánh xích màu cam hiệu Deawoo Solar 280 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M; về yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa, khôi phục lại tình trạng xe như trước thời điểm bị thu giữ (ngày 03/01/2013) với số tiền là 452.422.000 đồng; về yêu cầu bồi thường thu nhập của Công ty bị mất (với mức 30.000.000 đồng/tháng) với số tiền là 2.780.000.000 đồng; tổng cộng là 3.232.422.000 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản: công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải chịu 57.900.000 đồng, được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đã nộp.

4. Án phí sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân thị xã X phải chịu 200.000 đồng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nhưng phải chịu 96.848.440 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010527 ngày 20/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M còn phải nộp thêm 96.648.440 đồng.

Ngày 16/4/2021, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M có đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: buộc UBND thị xã X trả lại xe máy đào cho Công ty M đồng thời bồi thường giá trị thiệt hại để phục hồi xe về trạng thái hoạt động bình thường theo Chứng thư thẩm định giá số 20/2020/BDV- CT ngày 06/8/2020 của Công ty Thẩm định giá Bình Dương thực hiện theo Quyết định thẩm định giá của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương là 452.422.000 đồng. Buộc Ủy ban nhân dân thị xã X bồi thường khoản thu nhập bị mất kể từ ngày máy đào bị tạm giữ (ngày 03/01/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/3/2021 với mức 30.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền bồi thường thu nhập bị mất là 30.000.000 đ x 08 năm 02 tháng = 2.940.000.000 đồng. Lý do kháng cáo là án sơ thẩm vận dụng pháp luật không đúng và đánh giá chứng cứ không khách quan.

Ngày 12/4/2021 Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương kháng nghị đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm phần căn cứ tính án phí hành chính sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm và phần 1 của Quyết định của bản án sơ thẩm do án sơ thẩm vi phạm về căn cứ áp dụng tính án phí, không kiến nghị cụ thể về biện pháp xử lý tang vật để giải quyết triệt để vụ án; phần nhận định có mâu thuẫn với phần quyết định khi chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nhưng lại tuyên bố hành vi tạm giữ xe máy đào bánh xích của UBND thị xã X là trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông NLQ1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Giữ nguyên yêu cầu kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Về hoạt động kiểm sát xét xử, Kiểm Sát viên cho rằng Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã tuân thủ thủ tục tố tụng, việc triệu tập hợp lệ nên đủ điều kiện để xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng khác trong vụ kiện.

Đối với nội dung kháng cáo do không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào mới ở giai đoạn xét xử phúc thẩm nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, hủy một phần bản án sơ thẩm như nội dung kháng nghị đã nêu.

Trên cơ sở xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến tranh luận của các bên, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Đối với việc vắng mặt của các đương sự là người có quyền và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính do đã thực hiện triệu tập hợp lệ.

Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết như án sơ thẩm đã xác định là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2016 người khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xác định hành vi thu giữ xe máy đào bánh xích ngày 03/01/2013 của UBND thị xã X là trái pháp luật và buộc UBND thị xã X sửa

chữa, khôi phục lại tình trạng xe máy đào cho Công ty đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất. Xét trình bày của các bên và các tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Ngày 03/01/2013, Tổ kiểm tra Công an huyện X theo phản ánh của người dân đã xác định hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép được tiến hành bằng xe cần cẩu bánh xích màu cam, hiệu DAEWOO, ký hiệu SOLAR 280 tại khu đất của ông NLQ2 thuộc tổ 3, khu phố 5, phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương. Khi tổ kiểm tra có mặt tại hiện trường, đối tượng sử dụng phương tiện trên để khai thác đã bỏ đi mất, chỉ có ông Trần Tấn N tự nhận là người trông giữ xe cẩu. Công an huyện X (nay là thị xã X) đã ra Quyết định 41/QĐ-TGTVPT cùng ngày 03/01/2013 tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với tang vật, phương tiện vắng chủ. Đồng thời, Công an huyện X cũng lập biên bản tạm giữ tang vật là khoáng sản (đất sét gạch) với khối lượng 3.780m³. Qua định giá, giá trị khoáng sản bị khai thác trái phép gây thiệt hại 189.000.000 đồng và phương tiện sử dụng gây ra vi phạm hành chính là xe máy đào bánh xích nói trên. Quá trình xử lý, Công an huyện X đã thông báo truy tìm chủ phương tiện khai thác khoáng sản trái phép trên các phương tiện thông tin đại chúng thì ông NLQ1 – đại diện theo pháp luật của Công ty M có đến nhận mình là chủ phương tiện nhưng không xuất trình được các giấy tờ chứng minh nguồn gốc chủ sở hữu hợp pháp đối với xe này.

Hồ sơ thể hiện lời trình bày của các ông Nguyễn Minh Đăng, Ngô Tấn Phụng tại các biên bản làm việc với công an Thị xã X có nội dung Công ty M khai thác khoáng sản trái phép tại thửa đất số 197, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại tổ 3, khu phố 5, phường P1, thị xã X, tỉnh Bình Dương – đất do ông NLQ2 quản lý sử dụng; bản thân ông NLQ2 cũng có giấy báo về việc đối tượng khai thác trộm trên đất của ông và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Kết quả điều tra, xác minh đã xác định Công ty TNHH M do ông NLQ1 đại diện theo pháp luật có hành vi khai thác khoáng sản trái phép nên Công an huyện X đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty M theo điểm e khoản 1 Điều 37 Nghị định 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013. Cùng với đó, việc tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính là xe đào bánh xích là đúng quy định tại Điều 45, 46 Pháp Lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 02/7/2002 và điểm 5 khoản 3 Điều 1 Nghị định 77/2007/NĐ-CP. Đối với tang vật vi phạm hành chính phải được xử lý theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, UBND huyện X đã không tiến hành xử phạt dẫn đến hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nên không có căn cứ để xử phạt vi phạm hành chính. Riêng đối với tang vật vi phạm hành chính, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 không quy định về thời hiệu nên cơ quan có thẩm quyền có căn

cứ để xử lý tang vật vi phạm theo quy định tại khoản 4 Điều 61 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 trong trường hợp tài sản vắng chủ.

Người khởi kiện cho rằng hành vi tạm giữ tang vật của Công an huyện X là trái pháp luật nhưng như phân tích trên thì có cơ sở để xác định Công an huyện X đã thực thi đúng pháp luật. Việc chậm ban hành quyết định xử lý tang vật có lý do khách quan từ diễn biến của vụ việc đã phải xử lý dấu hiệu hình sự về hành vi khai thác trái phép khoáng sản, các vụ kiện hành chính và kiện dân sự do Công ty M đứng đơn.

Về nội dung khởi kiện buộc UBND thị xã X trả lại xe cuộc đào bánh xích thấy rằng: để chứng minh quyền sở hữu của phương tiện này cần có các giấy tờ về cá nhân hoặc tổ chức đứng tên đăng ký chủ sở hữu, hồ sơ gốc cùng các tài liệu có liên quan song ông NLQ1 và Công ty M đều không có đủ các chứng cứ để chứng minh quyền sở hữu hợp pháp. Kết quả kiểm tra và theo văn bản phản hồi của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương tại Công văn 495 ngày 17/02/2020 đã xác định *“qua kiểm tra sổ quản lý và hồ sơ gốc đang được lưu giữ tại Phòng quản lý vận tải phương tiện và người lái xe thuộc Sở, hiện tại máy đào bánh xích hiệu Daewoo Solar 280LC-III, số động cơ D2366400042, số khung SL280LC-III-0014 không có tổ chức, cá nhân nào đứng tên đăng ký là chủ sở hữu”*. Như vậy, không có căn cứ chứng minh người khởi kiện hoặc ông NLQ1 là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe nêu trên. Ngoài ra, thời điểm bị thu giữ xe không đảm bảo các điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường để tham gia giao thông như Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 để được vận hành, xe không có biển số, số khung, số máy xe chưa được đăng ký, đến ngày 26/5/2016 công ty M mới thực hiện đăng ký xe máy chuyên dùng và được Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương cấp GCN đăng ký xe, đến ngày 23/8/2016 thì Giám đốc Sở GTVT tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 387/QĐ-SGT thu hồi GCNĐK xe trên do việc cấp GCNĐK xe máy chuyên dùng không đúng quy định. Quyết định này bị Công ty M khởi kiện nhưng bị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Theo trình bày của ông NLQ1 về lý do thất lạc các chứng từ chứng minh nguồn gốc xe trên không có căn cứ và bất nhất. Cơ quan có thẩm quyền tiếp tục tạm giữ xe là đúng quy định, nên không có cơ sở để trả xe cho người khởi kiện.

Đối chiếu các tài liệu chứng cứ đã thu thập và quy định tại khoản 3, Điều 64 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ thì hành vi vi phạm khai thác khoáng sản trong vụ việc này đã gây thiệt hại giá trị tài sản là 189.000.000 đồng nên thuộc thẩm quyền xử lý của UBND cấp tỉnh. Do chờ kết quả giải quyết của các vụ việc có liên quan đến Công ty M nên tang vật vẫn chưa được bàn giao cho UBND tỉnh Bình Dương xử lý, án sơ thẩm có kiến nghị trong phần nhận định là xác đáng nhưng chưa đúng thẩm quyền như đã nêu ở trên. Kiến nghị này người bị kiện cần lưu ý giải quyết.

Do người khởi kiện không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với xe trên nên yêu cầu buộc UBND thị xã X bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét đơn kháng cáo của Công ty M và Kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Dương được làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Xét yêu cầu kháng cáo nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải quyết vụ án và tuyên án là có căn cứ, đúng pháp luật. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới và các chứng cứ đã cung cấp vẫn không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp đối với xe bánh xích máy đào nêu trên nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

Xét nội dung kháng nghị về áp dụng pháp luật để tính án phí là có cơ sở, tại phiên tòa phúc thẩm nhận thấy theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì người khởi kiện không phải chịu án phí cho yêu cầu người bị kiện phải sửa chữa, khôi phục tình trạng xe máy đào như cũ mà chỉ chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất nên chỉ cần sửa lại phần tính án phí mà không cần phải hủy, việc sửa này không gây bất lợi cho người khởi kiện.

Án sơ thẩm tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc Ủy ban nhân dân thị xã X chậm thực hiện xử lý tang vật là hành vi trái pháp luật – như phân tích trên việc chưa xử lý tang vật có nguyên nhân khách quan nên tuy về thời hạn giải quyết có chậm nhưng không phải là hành vi trái pháp luật. Án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện này là không có cơ sở, Hội đồng xét xử thống nhất sửa phần này cho đúng bản chất sự việc mà không cần hủy án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với nội dung kháng nghị cho rằng án sơ thẩm chưa đồng thời kiến nghị cách thức xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính mà UBND thị xã X đang giữ là chưa giải quyết triệt để vụ án – Hội đồng xét xử không chấp nhận do việc chậm xử lý tang vật vi phạm hành chính bị các trở ngại khách quan như đã phân tích ở phần trên và không thuộc trường hợp được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính. Hơn nữa, Tòa án chỉ kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật chứ không có quyền buộc các cơ quan này thực hiện nhiệm vụ công vụ của họ. Nên không cần thiết phải hủy án về phần này.

Do thẩm quyền xử lý tang vật vi phạm hành chính trong vụ việc này thuộc UBND tỉnh Bình Dương, không phải UBND thị xã X nên Công an thị xã X cần chuyển tang vật cho cơ quan này xử lý.

Án phí hành chính phúc thẩm Công ty M phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH M;

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; chấp nhận một phần kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Dương;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2021/HC-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Áp dụng: Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348, Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 27, Điều 34 Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M. Tuyên bố hành vi của người bị kiện UBND thị xã X giữ xe máy đào bánh xích màu cam hiệu Deawoo Solar 280 ngày 03/01/2013 mà không ra quyết định xử lý trong thời hạn quy định không trái pháp luật.

2. Không chấp nhận các phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đối với người bị kiện UBND thị xã X về việc hoàn trả xe máy đào bánh xích màu cam hiệu Deawoo Solar 280 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M; về yêu cầu bồi thường chi phí sửa chữa, khôi phục lại tình trạng xe như trước thời điểm bị thu giữ (ngày 03/01/2013) với số tiền là 452.422.000 đồng; về yêu cầu bồi thường thu nhập của Công ty bị mất (với mức 30.000.000 đồng/tháng) với số tiền là 2.780.000.000 đồng; tổng cộng là 3.232.422.000 đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản: công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải chịu 57.900.000 đồng, được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đã nộp.

4. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 87.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010527 ngày 20/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M còn phải nộp thêm 87.400.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải chịu 300.000 đồng; chuyển số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc

thẩm 300.000 đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0054855 ngày 28/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương thành án phí; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kiến nghị Công an thị xã X chuyển tang vật cho Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ